

## Điểm nhấn



Giá vàng vẫn tiếp tục khai phá đỉnh mới sau khi phá đỉnh mọi thời đại (Nguồn: Trading Economics)

- Dầu WTI (-4,3% DoD):** Giá dầu đã có diễn biến hoàn toàn trái ngược với giai đoạn đầu tháng 4 khi sụt giảm mạnh về mốc 65 USD/thùng. Nguyên nhân chính tới từ động thái nâng lãi suất của FED vào ngày 4/4/2023, cộng với nỗi lo suy thoái vẫn bao phủ toàn cầu.
- Vàng (+1,1% DoD):** Giá vàng tiếp tục tăng cao khi nỗi lo suy thoái tiếp tục bao phủ nền kinh tế thế giới, cùng động thái mới nhất của FED là tăng thêm 25 điểm lãi suất cơ bản để dập tắt áp lực lạm phát khiến giá cả thị trường tăng cao hơn mức mục tiêu 2%.
- Lúa mì (+4,8% DoD):** Giá lúa mì tăng nhẹ sau phiên giao dịch ngày 3/5/2023. Dù vậy, xu thế trung hạn vẫn là giảm do do nhu cầu suy yếu khi nỗi lo suy thoái đang cận kề.

## Ngành chú ý &amp; đánh giá của Wetrade

Hàng hóa	Trend hàng hóa	Ngành đáng chú ý	Trend ngành	Cổ phiếu đáng chú ý	Wetrade Ratings
Lúa mì	Suy yếu	Thực phẩm & Đồ uống	Giảm mạnh	SAB	D
				PVD	A
				PVS	D
Dầu	Suy yếu	Dầu khí	Suy yếu	BSR	C

Truy cập [wetrade.dsc.com.vn](http://wetrade.dsc.com.vn) để theo dõi hệ thống xếp hạng cổ phiếu

## Chỉ số vĩ mô &amp; thị trường chứng khoán &amp; thị trường hàng hóa

## CHỈ SỐ VĨ MÔ

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
S&P 500	4,091	▼ -0.7%	Hồi phục	▼ -1.1%	▲ 10.0%		BCOM index	101.5	▼ -0.8%	Suy yếu	▼ -5.2%	▼ -10.7%	
VNIndex	1,049	▲ 0.0%	Suy yếu	▼ -2.6%	▲ 2.9%		Baltic Dry Index	1,558	▲ 0.4%	Hồi phục	▲ 150.9%	▲ 20.8%	
Dollar Index	101.3	▼ -0.7%	Hồi phục	▼ -1.5%	▼ -10.3%		Baltic Dirty Index	1,061	▲ 2.7%	Suy yếu	▼ -14.4%	▼ -41.2%	
US 10Y	3.4	▲ 0.0%	Suy yếu	▼ -3.7%	▼ -17.6%								

## GIÁ HÀNG HÓA

## NĂNG LƯỢNG

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Dầu Brent	72.9	▼ -3.2%	Suy yếu	▼ -8.6%	▼ -21.7%	
Dầu WTI	68.6	▼ -4.3%	Suy yếu	▼ -7.0%	▼ -21.3%	
Khí tự nhiên	2.2	▲ 0.0%	Hồi phục	▼ -12.5%	▼ -65.2%	
Than	180.6	▼ -3.7%	Giảm mạnh	▼ -23.5%	▼ -49.0%	

## NÔNG NGHIỆP

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Bông	78.8	▼ -2.0%	Suy yếu	▼ -8.5%	▼ -4.1%	
Cao Su	133.9	▼ -1.0%	Hồi phục	▼ -4.8%	▲ 10.4%	
Đường	25.2	▲ 0.4%	Tăng mạnh	▲ 18.5%	▲ 36.4%	
Gạo	17.6	▲ 0.0%	Suy yếu	▼ -2.2%	▲ 0.1%	
Heo hơi	52.3	▲ 0.0%	Hồi phục	▼ -0.4%	▼ -4.6%	
Lúa Mi	625.6	▲ 4.8%	Suy yếu	▼ -18.6%	▼ -27.2%	

## KIM LOẠI

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Quặng Sắt	105.0	▲ 0.0%	Giảm mạnh	▼ -17.0%	▲ 23.5%	
Thép	3,606	▲ 0.0%	Giảm mạnh	▼ -9.4%	▲ 2.3%	
Thép HRC	968	▲ 0.9%	Suy yếu	▲ 21.5%	▲ 42.4%	
Vàng	2,039	▲ 1.1%	Suy yếu	▲ 9.3%	▲ 25.2%	

## CÔNG NGHIỆP

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Urea	350.0	▼ -0.7%	Giảm mạnh	▼ -15.2%	▼ -44.4%	
Nhôm	2,324	▼ -1.8%	Suy yếu	▼ -9.6%	▲ 2.7%	

## Lựa chọn hàng đầu



Biểu đồ giá của PHR (theo ngày)

**Cổ phiếu** CTCP Cao su Phước Hòa – Hose

PHR vận động trong mẫu hình “cái nêm” thắt chặt kéo dài 3 tháng vừa qua. Trong ngắn hạn, áp lực điều chỉnh dần được hấp thụ với chuỗi 4 phiên phục hồi liên tiếp, thể hiện xu hướng tích đang quay trở lại.

**Xu hướng kỹ thuật**

Tín hiệu ngắn hạn: Giá vượt lên trên đường tín hiệu ngắn hạn ma10, ma20, ma50.

Tuy nhiên, tại điểm nén xu hướng hiện tại, động lượng về thanh khoản chưa có tín hiệu khởi sắc, thiếu dòng tiền đẩy giá khiến cho PHR chưa thể vượt qua cản xu hướng bán, dẫn đến dự báo điều chỉnh và tích lũy trở lại.

**Khuyến nghị**

- Điểm mua ưu tiên tại vùng giá 40.5-41.
- Điểm quản trị rủi ro: 39.5
- Mục tiêu ngắn hạn: 46; Upside ~13%.

Chiến lược mua: NĐT mua khi điều chỉnh. Trong TH PHR với vàng vượt cản chéo, NĐT ưu tiên quan sát vì sắp lực cung tại vùng đỉnh ngắn hạn (giá 42.5) đánh giá khó vượt qua.

**Thời gian giao dịch kỳ vọng**

3-4 tuần

Điểm DSC		
Tăng trưởng	Giá trị	Đã tăng
D	B	C
Hành động		
Điểm mua	41	
Mục tiêu	46	
Cắt lỗ	39.5	
Reward/Risk	3.33	
Chỉ báo	Đánh giá	
MA	Phân kỳ dương	
RSI	Tăng điểm	
MACD	Phân kỳ dương	
Mục tiêu		
Hỗ trợ (1)	40	
Hỗ trợ (2)	38.5	
Kháng cự (1)	42.5	
Kháng cự (2)	46	

## Ảnh hưởng của hàng hóa tới các ngành

**Chú thích:** (\*) Ảnh hưởng nhẹ (\*\*) Ảnh hưởng trung bình (\*\*\*) Ảnh hưởng mạnh

Hàng hóa	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
<b>Dầu thô WTI</b> <b>Dầu thô Brent</b>	Thăm dò và khai thác dầu khí(**); Chế biến và trung chuyển dầu khí (***) Phân phối xăng dầu (***) Đường mía (*)	Vận tải (*); Vận tải biển (*); Hàng không (*); Nhựa đường và dầu nhớt (**); Lốp xe (*); Dệt may (*)
<b>Khí tự nhiên</b>	Phân phối khí đốt thiên nhiên (***)	Nhiệt điện khí (***) Phân bón (**)
<b>Than</b>	Khai thác than (***)	Nhiệt điện than (***) Sản xuất và chế biến thép (**) Phân bón (**)
<b>Vàng</b>	Hàng tiêu dùng và trang trí (**)	-
<b>Thép</b>	Sản xuất và chế biến thép (***)	Xây dựng hạ tầng (***) Xây dựng dân dụng (***)
<b>Quặng sắt</b>	-	Sản xuất và chế biến thép (**)
<b>Cao su</b>	Trồng cây và bán buôn Cao su (***)	Lốp xe (**)
<b>Gạo</b>	Lương thực (**)	Chăn nuôi(*)
<b>Đường</b>	Đường mía (***)	-
<b>Cà phê</b>	Sản xuất cà phê (***)	-
<b>Bông</b>	Sản xuất sợi (***)	Dệt may (**)
<b>Lúa mì</b>	-	Chăn nuôi (**); Bia (***)
<b>Heo hơi</b>	Chăn nuôi (***)	-
<b>Cá tra</b>	Khai thác, nuôi trồng thủy sản (***)	-
<b>Tôm</b>	Khai thác, nuôi trồng thủy sản (***)	-
<b>Urea</b>	Phân bón (***)	Lương thực (*)
<b>Nhôm</b>	Sản xuất Kim Loại (**)	Xây dựng dân dụng (*)
<b>Phốt pho vàng</b>	Sản xuất và sản phẩm hóa chất (***)	Phân bón (**)

**Tích cực:** Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động có lợi cho ngành

**Tiêu cực:** Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động bất lợi cho ngành